

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 2 /Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Chi khác	12	072	6449	00000	0	0	0	70.200.000	0	70.200.000
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	656.912.690	1.292.363.421	656.912.690	1.292.363.421
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	9.983.000	20.264.000	9.983.000	20.264.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	224.456.357	440.013.839	224.456.357	440.013.839
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	447.000	894.000	447.000	894.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	107.410.822	212.698.990	107.410.822	212.698.990
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	131.632.107	259.305.489	131.632.107	259.305.489
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	23.229.197	45.759.793	23.229.197	45.759.793
Kinh phí công đoàn	13	072	6303	00000	0	0	15.486.130	30.506.528	15.486.130	30.506.528
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	0	0	7.743.066	15.253.264	7.743.066	15.253.264
Các khoản đóng góp khác	13	072	6349	00000	0	0	3.871.531	7.626.631	3.871.531	7.626.631
Chi khác	13	072	6449	00000	0	0	5.274.000	5.274.000	5.274.000	5.274.000
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	56.431.760	83.190.253	56.431.760	83.190.253
Tiền nước	13	072	6502	00000	0	0	16.252.764	28.298.028	16.252.764	28.298.028
Văn phòng phẩm	13	072	6551	00000	0	0	2.755.000	5.435.000	2.755.000	5.435.000
Khoản công tác phí	13	072	6704	00000	0	0	5.400.000	10.800.000	5.400.000	10.800.000

Thuê lao động trong nước	13	072	6757	00000	0	0	78.395.000	195.987.500	78.395.000	195.987.500
Chi khác	13	072	7049	00000	0	0	55.095.000	96.925.000	55.095.000	96.925.000
Lương theo ngạch, bậc	14	072	6001	00000	0	0	136.468.510	268.676.380	136.468.510	268.676.380
Phụ cấp chức vụ	14	072	6101	00000	0	0	2.077.000	4.216.000	2.077.000	4.216.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	14	072	6112	00000	0	0	46.627.364	91.474.895	46.627.364	91.474.895
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	14	072	6113	00000	0	0	93.000	186.000	93.000	186.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	14	072	6115	00000	0	0	22.328.804	44.234.396	22.328.804	44.234.396
Bảo hiểm xã hội	14	072	6301	00000	0	0	27.348.634	53.911.551	27.348.634	53.911.551
Bảo hiểm y tế	14	072	6302	00000	0	0	4.826.229	9.513.804	4.826.229	9.513.804
Kinh phí công đoàn	14	072	6303	00000	0	0	3.217.486	6.342.535	3.217.486	6.342.535
Bảo hiểm thất nghiệp	14	072	6304	00000	0	0	1.608.744	3.171.268	1.608.744	3.171.268
Các khoản đóng góp khác	14	072	6349	00000	0	0	804.373	1.585.635	804.373	1.585.635
Chi khác	14	072	6449	00000	0	0	1.092.362.300	1.092.362.300	1.092.362.300	1.092.362.300
Cộng:					0	0	2.738.537.868	4.396.470.500	2.738.537.868	4.396.470.500
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 7 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Phúc

Người ký: Trần Thị Kim Oanh
Ngày ký: 01/07/2024 16:48:30
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Quận Bình Thạnh - TP Hồ Chí Minh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 7 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: NGUYỄN HỒ MINH HIẾU
Ngày ký: 01/07/2024 14:17:23
Đơn vị: Trường Tiểu học Bình Lợi Trung

Người ký: Nguyễn Thị Hoàng Anh
Ngày ký: 01/07/2024 16:41:05
Đơn vị: Trường Tiểu học Bình Lợi Trung

Trần Thị Kim Oanh

NGUYỄN HỒ MINH HIẾU

Nguyễn Thị Hoàng Anh